



# MEDICAL FACE MASK















Туре	Flat earloop type			
Structure	Consisting of mask body, mask band and nose clip			
Material	PP non woven fabric, rubber band			
Instruction	Turn folded side out, nose bar side up			
Quality Standard ISO 13485, ISO 9001, CE (EN 14683:2019 – type				
Four layers material	1 <sup>st</sup> non-woven spun bond, 30-35gsm (+/-1) 2 <sup>nd</sup> melt-blown paper, 25gsm (+/-1) 3 <sup>rd</sup> white non-woven spun bond, 30-35gsm (+/- 1)			
External size	Length 140mm +/- 1mm Width 95mm +/- 1mm			
Recommended Using Time 4 – 6 hours				
Validity	2 years			
Storage Condition	Keep in seal, cool and dry condition			







# Certificate of Compliance

This certificate of compliance is here by issued to the below applicant

Applicant

- ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE COMPANY LIMITED



Address

Head Office: No.44-46 Tran Hung Dao Street, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch Office: 217B Ha Duy Phien Street, Binh My Ward, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Manufacturer

**Products** 

Same as above

 Medical Masks, Antibacterial Masks, Polycarbonate Mask, Medical Protective Clothing.

Applicable Directive(s) - 93/42/EEC Medical Device Directive 89/686/EEC Personal Protective **Equipment Directive** 



This Certificate of Compliance is issued under following conditions:

- The product is declared by the applicant as complying with the applicable directives.
   EA has performed a review of the technical information of the
- product.

  3 The applicant is required to inform EA of any changes to its
- product design and technical documentation.

  4 The CE mark may be used by the applicant, for this product, under the sole responsibility of the applicant

Certificate Number: 21276

Initial Registration Date Date of Certificate Issue Certificate Expiry\*

13/04/2020 16/04/2020 15/04/2021

> Lavanya Raj (Certification Manager)

# **EURO ASSESSMENTS & CERTIFICATION LTD**

Kemp House, 160 City Road, London, ECIV 2NX, United Kingdom

\*Validity of the certificate is subjected to successful completion of surveillance audit on or before of due date.(In case surveillance audit is not allowed to be conducted, this certificate shall be suspended/withdrawn).

Certificate Verification: Please verify certificate at https://www.euroassessments.co.uk This certificate is the property of Euro Assessments & Certification Ltd and shall be return immediately when demanded.

The product liability rests with the manufacturer in accordance with their committed specifications and contractual albiligations. Including applicable standards. The CE mark shown above is for reference only and does not indicate accreditation. Euro Assessments does not accept any liability arising out of this certification.



# CE COMPLIANCE





# BỘ Y TẾ VIỆT NAM

VIET NAM MINISTRY OF HEALTH

## CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

Ha Noi, date 14month 05ear 2020

# GIÁY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO CERTIFICATE OF FREE SALES

- 1. Giấy chứng nhân số/Certificate No: 20000075CFS/BYT-TB-CT
- 2. Sản phẩm/Product(s): Khẩu trang y tế Ancare (Ancare Medical Face Mask)
- 3. Chung loai/Model: Ancare
- 4. Công ty sở hữu hợp pháp: CÔNG TY TNHH ĐƯỢC MỸ PHẨM ORGANIC MINH ANH
- Product(s) Owner: ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE COMPANY LIMITED
- Địa chỉ : 44-46 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Address: 44-46 Tran Hung Dao, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
- 5. Công ty sản xuất: CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM ORGANIC MINH ANH
- Manufacturer: ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE COMPANY LIMITED
- Địa chỉ: 217B Hà Duy Phiên, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- Address: 217B Ha Duy Phien, Binh My Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Văn bán này là để xác nhận rằng các sản phẩm trên tuần theo các tiểu chuẩn liên quan của Việt Nam hoặc tương đương và được phép bán tại Việt Nam. Việc xuất khẩu sản phẩm không bị hạn chế.

This is to certify that the above product(s) comply with the relevant standards of the S.R.

Vietnam or equivalent and are allowed to be sold in Vietnam. The exportation of the product(s) is not restricted.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

This certificate is vaild for three years from the date of issuance.

KT. BỘ TRƯỚNG THÚ TRƯỜNG FOR MINISTER OF HEALTH DEPUTY MINISTER OF HEALTH



13485:201



# SOCERT INTERNATIONAL INSPECTION AND CERTIFICATION BODY

"HARMONIZATION AND PROSPERITY

No. 1869293400598-MED

THIS IS TO CERTIFY THAT THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM FOR MEDICAL DEVICES OF

# ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE COMPANY LIMITED

Headquarters: No.44-46 Tran Hung Dao Street, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam. Manufactory: No.217B Ha Duy Phien Street, Binh My Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:

## STANDARD

# ISO 13485:2016

SCOPE CERTIFIED:

PRODUCTION AND DISTRIBUTION OF MEDICAL MASK.

Certification 10.Apr.2020 Issue date : 10.Apr.2020 Valid date : 09.Apr.2023

Details in decision no 10042006/OD-ISOCERT







ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY No.40 A Row, Block 12, Dish Cong New Urban Area, Dish Cong Ward, Hong Mai District, Hanoi City 00.636.538, Hanoi Glice 0.247.036.538, IROM office 0.2873.06.538, IROM







# ISOCERT INTERNATIONAL INSPECTION AND CERTIFICATION BODY

"HARMONIZATION AND PROSPERITY"

No. 1869293400598-QMS

THIS IS TO CERTIFY THAT THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF

# ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE COMPANY LIMITED

Headquarters: No.44-46 Tran Hung Dao Street, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam. Manufactory: No.217B Ha Duy Phien Street, Binh My Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:

STANDARD

# **ISO 9001:2015**

**SCOPE CERTIFIED:** 

PRODUCTION AND DISTRIBUTION OF MEDICAL MA

Certification 10.Apr.2020 : 10.Apr.2020 Issue date Valid date : 09.Apr.2023

Details in decision no. : 10042005/QD-ISOCERT



Approved to bear certification mark



ISO 9001:2015

08128 DIRECTOR

MSc. Vu Van Thao

# ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPA

Hotline: 1900.636.538, Hanoi office: 02473.036.538, HCM office: 02873.056.538, Email:

# **Declaration of Conformity**

Organic Minh Anh Cosmetic Medicine Co., Ltd Company name:

Company address: No. 217B Ha Duy Phien Street, Binh My Commune, Cu Chi

District, Ho Chi Minh City

Directive 93/42/EEC - Class 1 Related Directives

ISO 10993-1: 2018 Related Standards:

EN 14683: 2019 Ancare Product name:

Medical face mask 4 layers Product type:

> B-1 (165mm \* 95mm) B-2 (140mm \* 95mm)

MedicoPart ApS **European Authorized** Nordborgvej 69 Representative:

6430 Nordborg, Denmark

Contact: medicopart@medicopart.com

The products satisfy the requirements of the above listed standards. The Manufacturer is responsible for carrying out all the necessary activities, as required by the Directive

Signature:

Name: Sale Manager 09/07/2020 Designation:







Đơn vị yêu cầu và gửi mẫu:	CÔNG TY TNH	H DƯỚC MỸ PHẨM	ORGANIC MINH ANH				
Tên hàng:		Khẩu trang v tế 4 lớp					
Ký hiệu mẫu:	4 lớp						
Ngày nhận mẫu:	07.04.2020	Ngày thử nghiệm:	07.04.2020				
Ngày trả kết quả:	09.04.2020						
Thời gian lưu mẫu:	Không lưu mẫu						

II. Kết quả thử nghiệm
------------------------

	FILLUI	KÉT QUÁ	www.vinacontrol.com.	
			C MỸ PHẨM ORGANIC MINH.	ANH
Tên h		trang y tế 4 lớp		
	eu mâu: 4 lớp nhận mẫu: 07.04.	2020 Naày	thử nghiệm: 07.04.2020	A.
Ngày	trả kết quả: 09.04.		tila ligiliçili. 07.04.2020	10
Thời	gian lưu mẫu: Không	j lưu mẫu		*
I. Tinh	trạng mẫu			T <sub>c</sub>
-	Niêm phong: Không			
-	Ngoại quan: Khẩu trang y tế màu	xanh		
	Bao bì, đóng gói: Túi nilon			
II. Két	quả thử nghiệm			
STT 1	Tên chỉ tiêu thừ nghiệm Hàm lượng Chì (Pb)	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Phương pháp thử
2.	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg mg/kg	0,37 Không phát hiện (LOD: 0,02)	TCVN 8389-1:2010 TCVN 8389-1:2010
3.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện (LOD: 0,02)	TCVN 8389-1:2010
4.	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/kg	Không phát hiện (LOD: 0,02)	TCVN 8389-1:2010
5.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện (LOD: 0,02)	TCVN 8389-1:2010
6.	Hàm lượng Formaldehyde	mg/kg	Không phát hiện (LOD:16)	ISO 14184-1:2011 (*)
	Hàm lượng Amin thơm phát sin thuốc nhuộm Azo	h từ -		
7.	4-Aminobiphenyl	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
	(92-67-1) Benzidine			
8.	(92-87-5)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
9.	4- Chloro-o-toluidine (95-69-2)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
10	2-Naphthylamine			
10.	(91-59-8)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
11.	o-Aminoazotoluene (97-56-3)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
12.	5-Nitro-o-toluidine	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	TCVN 7619-2:2007 <sup>(*</sup>
	(99-55-8) 4-Chloraniline			- TOVIN 76 19-2.2007
13.	(106-47-8)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
14.	4-Methoxy-m-phenylenediamine	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
45	(615-05-4) 4,4'-Diaminodiphenylmethane			-
15.	(101-77-9)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
16.	3,3'-Dichlorobenzidine (91-94-1)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	
17.	3,3'-Dimethoxybenzidine	mg/kg	Khāng phát hiện (I CD: 15)	
	(119-90-4)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)	



Số: 20G15.ND.0461

40° & 40° &

18.	3,3'-Dimethylbenzidine (119-93-7)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
19.	4,4'-Methylenedi-o-toluidine (838-88-0)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
20.	(6-Methoxy-m-toluidine) (120-71-8)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
21.	4,4'-Methylene-bis-(2-chloro-aniline) (101-14-4)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
22.	4,4'-Oxydianiline (101-80-4)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
23.	4,4'-Thiodianiline (139-65-1)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
24.	o-Toluidine (95-53-4)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
25.	4-Methyl-m-phenylenediamine (95-80-7)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
26.	2,4,5-Trimethylaniline (137-17-7)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
27.	o-Anisidine (90-04-0)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)
28.	4-Amino azobenzene (60-09-3)	mg/kg	Không phát hiện (LOD:15)

- (60-09-3)
  Theo QCVN 01:2017/BCT:
  Ham lượng một amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo tối đa cho phép: 30mg/kg
  Hàm lượng một amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo tối đa cho phép:
  Sản phám dệt máy danh cho can bể dượi 36 tháng tuổi: 30mg/kg.
  Sản phám dệt máy tiếp xúc trực tiếp với da: 75mg/kg.
  Sản phám dệt máy không tiếp xúc trực tiếp với da: 300 mg/kg.

Nhận xét: Mẫu nêu trên đáp ứng yêu cầu đối với hàm lượng formaldehyde và amin thơm chuyển hoá từ thuốc nhuồm azo trong sản phẩm dệt may, quy định tại QCVN 01:2017/BCT của Bộ Công Thương.

PHŲ TRÁCH KỸ THUẬT

RUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM 2 – VINACONTROL



Phan Liên Châu

NACONTROL \* Pham Ngọc Dũng

Trang 2/2







# Test Report No. VNT/T(A)/20/005323 Dated 16/06/2020



Applicant : ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE CO., LTD.

Office address: 44-46 Tran Hung Dao, Pham Ngoc Thach Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Production address: 217B Ha Duy Phien, Binh My Commune,

Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mr. Nguyen Trung Anh

Mail Box Received on 02/06/2020 From 03/06/2020 to 10/06/2020 Test Period

MEDICAL FACE MASK BLUE Color

Product Type/ End Use Fiber Content Style No.

Order No. Sample Size Country of Origin : VIETNAM Country of Destination

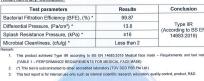
Note: the submitted samples are Not Drawn by the Laboratory

Note: 10 Control Term & Consolition as enrighted exhetify, (f) the set on political except in the widow the widow approach the beatines, and are developed pages and the purples of minimized the property of the beatines, and the property of the property o



# Test Report No. VNT/T(A)/20/005323 Dated 16/06/2020

# Result summary/ Conclusion:



# Appendix: BS EN 14683:2019 TABLE 1 - PERFORMANCE REQUIREMENTS FOR MEDICAL FACE MASK

Test	Type I*	Type II	Type IIR
Bacterial Filtration Efficiency (BFE), (%)	≥ 95	≥98	≥ 98
Differential Pressure, (Pa/cm²)	< 29.4	< 29.4	< 49.0
Splash Resistance Pressure, (kPa)	Not required	Not required	≥ 16.0
Microbial Cleanliness, (cfu/g)	≤ 30 € 1"	≤30	≤ 30

(cruty) 300 530 530

\*Type I medical face masks should only be used for patients and other persons to reduce the risk of spread of infections particularly in epidemic of pandemic situations.

Type I masks are not intended for used by healthcare professionals in operating room or in other medical settings with smiller requirements.

Nguyen Manh Duc - Technical Reviewer Medical & Health Services TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.

Laboratory: TDV SDD Wetnern Co. Ltd. Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III. Tan Binh I.P. Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Wetnern



# Test Report No. VNT/T(A)/20/005323 Dated 16/06/2020

## Test Results

# 2.1 Bacterial Filtration Efficiency (BFE) (\*)

BS EN 14683:2019 "Medical face masks - Requirement and test methods" Annex B - Method for in vitro determination of bacterial filtration efficiency (BFE)

Area contacting with the bacterial challenge: inside of the mask

Flowrate: 28.3 ± 0.3 L/min

Mean particle size of the challenge aerosol:  $3 \mu m \pm 0.3 \mu m$ 

Test area	: approx	imately	50 cm <sup>2</sup>							
Test Sample/ controls	Stage 1, CFU	Stage 2, CFU	Stage 3, CFU	Stage 4, CFU	Stage 5, CFU	Stage 6, CFU	Sum of total plate count for the 6 sieves, CFU	Average count for controls, CFU	BFE (%)	Average BFE (%)
-ve control	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-
+ ve control	219	521	614	590	424	119	2487	2596	-	
+ ve control 2	221	469	677	580	522	235	2704		-	-
Sample 1	0	0	0	0	0	4	4		99.85	
Sample 2	0	0	0	0	0	6	6	- 1	99.77	
Sample 3	0	0	0	0	0	3	3		99.88	99.87
Sample 4	0	0	0	0	0	2	2		99.92	
Sample 5	0	0	0	0	1	1	2		99.92	

Laboratory: TÜV SÜD Wetnam Co. Ltd. Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Birch J.P, Tay Thairh Ward, Tan Phu District, Hn Chi Minth Cilv. Wetnam



Note: CFU denote colony forming unit BFE denote bacterial filtration efficiency

Remark: the above test results relate to the samples as received

# 2.2 Breathability Test (Differential Pressure) (\*) BS EN 14683:2019 "Medical face masks – Requirements and test methods" – Clause 5.2.3

Breathability / Annex C Method for determination of breathability (differential pressure) Airflow: 8 L/min

Tested area: 4.9 cm<sup>2</sup>

Number of tested specimen: 5

Number of te	st area per specimen: o	
Test Specimen	Average Differential Pressure (ΔP) for 5 tested areas (Pa/cm²)	Requirement
1	14	The differential pressure of the medical
2	14	face mask shall conform to the value given:
3	13	Type I < 40 Pa/cm <sup>2</sup>
4	14	Type II < 40 Pa/cm <sup>2</sup> Type IIR < 60 Pa/cm <sup>2</sup>
5	14	Type IIR < 60 Parcm

Remark: the above test results relate to the samples as received

Phone: 084-28-62678506 Fax: 084-28-62678511 E-Mail: softines-laboratory@tuv-sud.vn Utl: www.tuv-sud.vn











## Test Report No. VNT/T(A)/20/005323 Dated 16/06/2020

Remark: <sup>(1)</sup> As per ISO 22609:2004, an acceptable quality limit of 4.0% is met for a single sampling plan when 29 or more of the 32 tested specimens showed pass results.

Note: (\*) test was conducted within 1 minute of removal from the environmental chamber held at pre-

## 2.4 Microbial Cleanliness (\*

BS EN 14683:2019 "Medical face masks – Requirements and test methods" Annex D – Microbial

Cleanline	55						
Sample	e	Total Aerobic Microbial Count, CFU/mask	Total Yeast and Mould Count, CFU/mask	Total Bioburden, CFU/mask	Mask Weight, g	Total Bioburden, CFU/g of mask	Performance requirements for medical face masks
	1	6	Less than	6	4.58	1	
Medical	2	Less than	Less than	Less than	4.61	Less than	
Face	3	Less than	Less than	Less than	4.63	Less than	≤ 30 cfu/g
Mask	4	Less than	Less than	Less than	4.59	Less than	
	5	Less than	Less than	Less than	4.36	Less than	

Note: CFU denote colony forming unit

Remark: the above test results relate to the samples as received

Laboratory: TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. Lot III-26, 1955A Street, Industry Group III, Tan Binh IP, Tay Theath Ward, Tan Phu District, Ida Chi Mish City, Mattern Phone: 084-28-62678506 Fax: 084-28-62678511 E-Mail: softlines-laboratory@tuv-aud.vn Utl: www.tuv-aud.vn Test Report No. VNT/T(A)/20/005323 Dated 16/06/2020



## Appendix:

Test areas					
	Specimen 1	Specimen 2	Specimen 3	Specimen 4	Specimen 5
1	13	14	13	14	13
2	15	14	13	14	14
3	13	12	13	13	13
4	13	12	14	16	14
5	15	15	12	15	14
Average	14	14	13	14	14



Graph: Location of the areas of the mask for the differential pressure measurements



Photo 1: Medical face mask

Lisbonatory: TÜV SUD Vietnam Co. Lid. Lot III-29, 1955 Steet, Industry Group III. Tan Birh I.P. Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chil Minh City, Metnam

Phone :034-28-62678506 Fax::064-28-62678511 E-Mail : softines-toboratory@bur-sud.vn Utl : www.tur-sud.vn

Page 9 of 1





Test Report No. VNT/T(A)/20/005533 23-06-2020 Dated



Test Parameters		Conclusion	
rest Parameters	Sample 1	Sample 2	Sample 3
Azo Dyes	Refer to result	Refer to result	Refer to result

# TÜV SÜD Vietnam TÜV SÜD Group







Test Report No. VNT/T(A)/20/005533 Dated 23-06-2020



Applicant

Color

: ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE CO. LTD.

44 - 46 Tran Hung Dao, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Mr. Pham Thai Duy Tan

Attention Test Sample Test Period Sample Desc

phamthaiduytan9988@gmail.com Received on 22/06/2020 From 22/06/2020 to 23/06/2020 NON WOVEN FABRIC

: Sample 1: Red / White Sample 2: Pink / White Sample 3: Blue / White FACE MASK (FOR KIDS)

Buyer Product Type/ End Use Fiber Content Fabric Weight No. of Sample Supplier

Country of Origin

Note: the submitted samples are Not Drawn by the Laboratory

Test Report No. VNT/T(A)/20/005533

23-06-2020 Dated



## 1. Sample description

Description	Picture
Sample 1: NON WOVEN FABRIC Color: Red / White	
Sample 2: NON WOVEN FABRIC Color: Pink / White	
Sample 3: NON WOVEN FABRIC Color: Blue / White	6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6 6

# 2. Material analysis (As Identified by Lab)

Component	Material	Color	Mat. No.
Sample 1	Print on Non-woven fabric	Red / White	001
Sample 2	Print on Non-woven fabric	Pink / White	002
Sample 3	Print on Non-woven fabric	Blue / White	003

Test Report No. VNT/T(A)/20/005533 Dated 23-06-2020



Test Result
 Azo dyes
 Reference to BS EN ISO 14362-1:2017 and BS EN ISO 14362-3:2017 to detect 4-aminoazob

Compounds	CAS No.	Result [ppm]	Client's
Compounds		001+002+003	Requirement [ppm
4-Aminobiphenyl	92-67-1	N.D.	
Benzidine	92-87-5	N.D.	
4-Chlor-o-toluidine	95-69-2	N.D.	
2-Naphthylamine	91-59-8	N.D.	
o-Aminoazotoluene	97-56-3	N.D.	
2-Amino-4-Nitrotoluene	99-55-8	N.D.	
p-Chloroaniline	106-47-8	N.D.	
2,4-Diaminoanisole	615-05-4	N.D.	
4,4'-Diaminodiphenylmethane	101-77-9	N.D.	
3,3'-Dichlorbenzidine	91-94-1	N.D.	
3,3'-Dimethoxybenzidine	119-90-4	N.D	
3,3'-Dimethylbenzidine	119-93-7	N.D.	
3,3'-Dimethyl- 4,4'diaminodiphenylmethane	838-88-0	N.D.	- 1
p-Cresidine	120-71-8	N.D.	
4,4'-Methylen-bis-(2-chloroaniline)	101-14-4	N.D.	
4,4'-Oxydianiline	101-80-4	N.D.	
4,4'-Thiodianiline	139-65-1	N.D.	
o-Toluidine	95-53-4	N.D.	77
2,4-Toluylenediamine	95-80-7	N.D.	
2,4,5-Trimethylaniline	137-17-7	N.D.	
2,4-Xylidine	95-68-1	N.D.	
2,6-Xylidine	87-62-7	N.D.	
2-Methoxyaniline (o-Anisidine)	90-04-0	N.D.	
4-Aminoazobenzene	60-09-3	N.D.	

- te:

  N.D. = Not Detected (< Reporting limit)

  Reporting limit + 5 mg/kg

  Test result for 4-aminoazobenzene (CAS no.: 60-09-3) is considered as "not detected" (i.e. <5 mg/kg) since both aniline and/or 1.4-phenylenediamine is not found (i.e. <5 mg/kg) by mentioned test method.

# -End of Test Report-





Test Report No. VNT/T(A)/20/005643 Dated 26-06-2020



Applicant : ORGANIC MINH ANH COSMETIC MEDICINE CO., LTD.

44 – 46 Tran Hung Dao, Pham Ngu Lao Ward, District 1, Ho Chi

Minh City, Vietnam.
: Mr. Pham Thai Duy Tan

Received on 25/06/2020

From 25/06/2020 to 26/06/2020 FACE MASK (FOR KIDS) Sample Description Color

Buyer Product Type/ End Use Fiber Content Fabric Weight No. of Sample Supplier

Attention Mail box

Test Sample

Country of Origin
Country of Destination Season

Note: the submitted samples are Not Drawn by the Laboratory

Note: (1) General Terms & Conditions as mentioned nowled; (2) the last report half not be reproduced except in the without the written approprial of the indication, by the past of selecting purposes must be present in relief part of the first indication and the produced of the second of the seco

Phone: 084-28-62678506 Fax: 084-28-62678511 E-Mail:softines-laboratory@tuv-sud.vn Url: www.tuv-sud.vn

Test Report No. VNT/T(A)/20/005643 26-06-2020 Dated





Component		Material	Color	Mat. No.	
	Outside	Non-woven fabric w/print	White/ Pink	001	
Sample A	Middle layer	Non-woven fabric	White	002	
	Skin-contact layer	Non-woven fabric	White	003	
	Lace of Mask	Elastic	White	004	

Test Report No. VNT/T(A)/20/005643 Dated 26-06-2020



Test Parameters	Conclusion
Extractable Heavy Metals	Pass

TÜV SÜD Vietnam TÜV SÜD Group

Ng Montes Nguyen Thuy Long An Report Reviewer



Test Report No. VNT/T(A)/20/005643 Dated 26-06-2020



# 3. Test Result

# 3.1 Extractable Heavy Metals

Test parameter	Result [mg/kg]	Specification [mg/kg]	
rest parameter	003		
Antimony (Sb)	N.D.	5.0	
Cadmium (Cd)	N.D.	0.1	
Arsenic (As)	N.D.	0.2	
Chromium (Cr)	N.D.	1.0	
Lead (Pb)	N.D.	1.0	
Mercury (Hg)	N.D.	0.02	
Cobalt (Co)	N.D.	1.0	
Copper (Cu)	N.D.	25.0	
Nickel (Ni)	N.D.	1.0	

ote:
1. N.D. = Not Detected (< Reporting Limit)

N.D. = Not Detected (<a href="Reporting Limit">Not Detected (<a href="Reporting limit for Cd = 0.05 mg/kg">Neporting limit for Cd = 0.05 mg/kg</a> Reporting limit for As, Pb = 0.1 mg/kg
 Reporting limit for Cr. Co, Ni = 0.5 mg/kg
 Reporting limit for Cb = 1 mg/kg
 Reporting limit for Cu = 5 mg/kg























# THANK YOU



# **MedicoPart ApS**

Nordborgvej 69 6430 Nordborg, Denmark Email: medicopart@medicopart.com

Phone number: 0045 42412407